

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30/7/2020  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đinh Văn Tùng

Bà Đồng Thị Mười

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Bá T trình bày: Vợ chồng anh tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn số 19, quyền số 01/5 ngày 23/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị D ghen tuông vô cớ, thường kiểm chuyện chửi mắng làm mất uy tín của anh. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, anh luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày

21/8/2005 cho chị D trực tiếp nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu Thành C đủ 18 tuổi, lao động được.

Tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D vắng mặt không có lý do nhưng tại bản tự khai chị D không đồng ý ly hôn vì anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, vì không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị D, giao cháu Nguyễn Thành C cho chị D trực tiếp nuôi, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Bá T có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị D vắng mặt không có lý do, anh T cũng có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh T và chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/5 ngày 23/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T khai do bất đồng quan điểm sống, chị D ghen tuông vô cớ, thường kiểm chuyện chửi mắng làm mất uy tín của anh. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, anh luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D. Còn chị D thì cho rằng anh T có người phụ nữ khác ở bên ngoài và không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị D thật sự trầm trọng, kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì

trong quá trình giải quyết vụ án anh T cương quyết xin ly hôn, còn chị D thì không đồng ý nhưng chị không có biện pháp để hàn gắn, đoàn tụ cũng không có mặt để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có một cháu tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/8/2005. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cho chị D trực tiếp nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu Thành C đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, tại bản tự khai cháu Chí có nguyện vọng ở với mẹ, không ai tranh chấp về vấn đề nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thành C cho chị D trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi của cháu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Anh T và chị D được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Bá T.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Bá T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/8/2005 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thành C đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Bá T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005209 ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Nguyễn Bá T đã thi hành xong phần án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- UBND xã Phú Nhuận.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Phượng**

